

Bản án số: 307/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 02-12-2020

V/v Ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN ĐỨC HÒA, TỈNH LONG AN**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông La Văn Việt

2. Bà Nguyễn Thị Rạt

- Thư ký phiên tòa: Bà Phạm Thị Hồng – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An.

Ngày 02 tháng 12 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1004/2020/TLST-HNGĐ ngày 05 tháng 10 năm 2020 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 354/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 29 tháng 10 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 185/2020/QĐST-HNGĐ ngày 16 tháng 11 năm 2020; giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Ông Lê Hữu T, sinh năm 1988 (xin vắng mặt)

Bị đơn: Bà Võ Thị Tuyết P, sinh năm 1991 (vắng mặt)

Cùng địa chỉ: 100/1 Tỉnh lộ 8, Khu B, thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện ngày 29/9/2020 và trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn ông Lê Hữu T trình bày:

Về hôn nhân: Ông và bà Võ Thị Tuyết P cưới nhau vào năm 2011 và đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An vào ngày 03/5/2013 (Giấy đăng ký số 86). Vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2014 thì phát sinh mâu thuẫn do tính tình không hòa hợp, bất đồng quan điểm sống. Ông và bà P đã ly thân nhau từ đầu năm 2014 đến nay. Nay ông xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên ông yêu cầu ly hôn với bà P.

Về nuôi con chung: Ông và bà P có một con chung tên Lê Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/12/2012, hiện do bà P nuôi dưỡng. Khi ly hôn, ông đồng ý giao con cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng, ông không cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Bị đơn bà Võ Thị Tuyết P vắng mặt và không cung cấp bất cứ tài liệu, chứng cứ nào có liên quan đến vụ án nên Tòa án không tiến hành hòa giải được.

Cháu Lê Võ Hoàng Long có ý kiến trong trường hợp cha mẹ ly hôn thì có nguyện vọng được sống với mẹ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được xem xét tại phiên tòa, qua thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1.1] Về tố tụng:

[1.1] Ông Lê Hữu T khởi kiện yêu cầu ly hôn với bà Võ Thị Tuyết P. Căn cứ khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án nhân dân huyện Đức Hòa, tỉnh Long An thụ lý giải quyết vụ án theo thủ tục sơ thẩm.

[1.2] Tại phiên tòa, nguyên đơn ông Lê Hữu T có đơn xin xét xử vắng mặt, bị đơn bà Võ Thị Tuyết P đã được Tòa án thông báo và tổng đạt hợp lệ các văn bản tố tụng để tham gia vụ án nhưng đều vắng mặt. Căn cứ khoản 1, 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Tòa án vẫn tiến hành xét xử vụ án.

[2] Về nội dung tranh chấp:

[2.1] *Về hôn nhân:* Hôn nhân giữa ông T và bà P là hợp pháp. Sau một thời gian chung sống thì vợ chồng phát sinh mâu thuẫn. Nay ông T xét thấy tình cảm vợ chồng không còn nên yêu cầu ly hôn. Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã tiến hành tổng đạt cho bà P các văn bản tố tụng để tham gia vụ án. Tuy nhiên, bà P đều vắng mặt và không gửi cho Tòa án văn bản nêu ý kiến của mình về yêu cầu khởi kiện của ông T. Từ đó, cho thấy bà P cũng không có thiện chí để hàn gắn tình cảm vợ chồng. Xét thấy, cuộc sống chung giữa ông T và bà P trên thực tế đã không còn tồn tại từ năm 2014 cho đến nay, mục đích hôn nhân không đạt được nên căn cứ Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, chấp nhận yêu cầu ly hôn của ông T.

[2.2] *Về nuôi con chung:* Ông T và bà P có một con chung tên Lê Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/12/2012. Xét thấy, hiện cháu Long đang sống với bà P, cuộc sống đã ổn định, **hơn nữa nguyện vọng của cháu Long là muốn sống với mẹ** nên căn cứ vào Điều 81 Luật hôn nhân gia đình năm 2014, giao cháu Long cho bà P tiếp tục nuôi dưỡng là phù hợp.

[2.3] *Về phân cấp dưỡng nuôi con:* Do bà P vắng mặt và không có văn bản yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[2.4] *Về tài sản chung, nợ chung*: Ông T xác định giữa ông và bà P không có tài sản chung và không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bà P vắng mặt và không có văn bản nêu ý kiến về vấn đề này nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[3] *Về án phí*: Ông Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm theo quy định tại Điều 147 Bộ luật tố tụng dân sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; các Điều 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp và quản lý sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của ông Lê Hữu T về việc "*Ly hôn*" với bà Võ Thị Tuyết P.

1. *Về hôn nhân*: Ông Lê Hữu T được ly hôn với bà Võ Thị Tuyết P.

2. *Về nuôi con chung*: Ông Lê Hữu T và bà Võ Thị Tuyết P có một con chung tên Lê Võ Hoàng Long, sinh ngày 11/12/2012. Khi ly hôn, bà P được nuôi cháu Long, ông T không phải cấp dưỡng nuôi con.

Bên không nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được quyền ngăn cản. Vì lợi ích của con chung, theo yêu cầu của một hoặc cả hai bên đương sự, Tòa án có thể thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con theo luật định.

Trong trường hợp người không trực tiếp nuôi con lạm dụng việc thăm nom để cản trở hoặc gây ảnh hưởng xấu đến việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con thì người trực tiếp nuôi con có quyền yêu cầu Tòa án hạn chế quyền thăm nom con của người đó.

3. *Về án phí*: Ông Lê Hữu T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm nhưng được khấu trừ 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0006322 ngày 30/9/2020 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Đ, tỉnh Long An. Ông T đã nộp đủ án phí.

Án xử sơ thẩm công khai, các đương sự được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Long An.
- VKSND huyện Đức Hòa.
- THADS huyện Đức Hòa.
- Ủy ban nhân dân thị trấn H, huyện Đ, tỉnh Long An.
- Các đương sự.
- Lưu HS, lưu án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Cao Thiên Trang

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

La Văn Việt – Nguyễn Thị Rạt

Cao Thiên Trang